

Số: 57/2018/QĐST- HNGĐ

Yên Khánh, ngày 3 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2018/TLST- HNGĐ ngày 2 tháng 8 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N

Địa chỉ: Xóm 10 B, xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn*: Anh Mai Văn T

Địa chỉ: Xóm 10 B, xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH :

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N; địa chỉ: Xóm 10 B, xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và anh Mai Văn T; địa chỉ: Xóm 10 B, xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung (riêng)*: Giao cháu Mai Thị Phương T1 sinh ngày 8 tháng 2 năm 2003 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Anh Mai Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu T1 là 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) /1 tháng kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Cháu Mai Mạnh L sinh ngày 20 tháng 7 năm 1997 đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống và anh chị không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2. *Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp*: Chị Nguyễn Thị N và anh Mai Văn T đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung; anh chị không có tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001893 ngày 1 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Trả lại cho chị Nguyễn Thị N 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Mai Văn T nộp 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân :

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Phương